



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU**

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG X/2017



HÀ NỘI, THÁNG XI/2017

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG X/2017	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG X/2017.....	12
1. Đối với cây lúa	14
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	15
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG XI, X, X/2017	17
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	18
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG X/2017

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng X/2017 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,2^{\circ}\text{C}$ đến $1,9^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -410mm đến 466mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -126 giờ đến -10 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -7% đến 7%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng X/2017 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

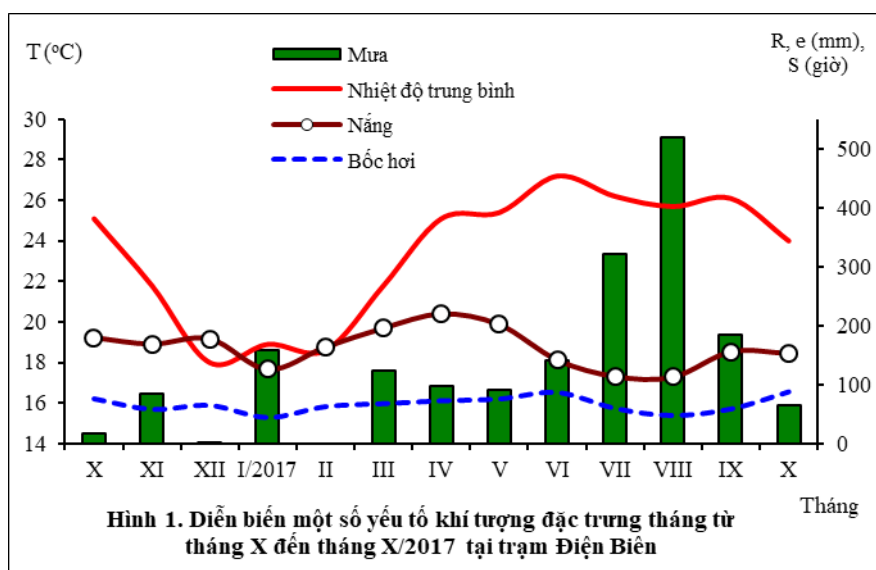
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,2$ đến $1,6^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $17,4^{\circ}\text{C}$ đến $24,8^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $15,5^{\circ}\text{C}$ đến $22,6^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $6,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 31/X tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $20,7^{\circ}\text{C}$ đến $29,4^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $35,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 2/X tại Sông Mã. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng X đến tháng X/2017 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng X/2017 ở khu vực Tây Bắc phân bố không đều, khu



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2017 tại trạm Điện Biên

vực phía Tây thuộc các tỉnh Điện Biên, Lai Châu lượng mưa tháng dao động từ 56mm đến 221mm phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-22mm đến 66mm). Khu vực tỉnh Sơn La, Hòa Bình có lượng mưa tương đối lớn, dao động từ 256mm đến 648mm, thấp nhất là 76mm xảy ra tại Sơn La, khu vực này có lượng mưa tháng cao hơn TBNN từ 20mm đến 400mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất khu vực Điện Biên, Lai Châu phổ biến từ 29mm đến 69mm, còn khu vực tỉnh Sơn La, Hòa Bình phổ biến từ 114 đến 278mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 đến 20 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng X đến tháng X/2017 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng X/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -86 giờ đến -18 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 71 giờ đến 153 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng X/2017 dao động từ 76% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -7% đến 6%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 48% xảy ra vào ngày 15/X tại Mường Tè.

- Tổng lượng bốc hơi tháng X/2017 có giá trị phổ biến từ 24mm đến 94mm, cao nhất là 104mm tại Sông Mã. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-603mm đến 38mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 6mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất 1 ngày tại Sông Mã với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 6 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

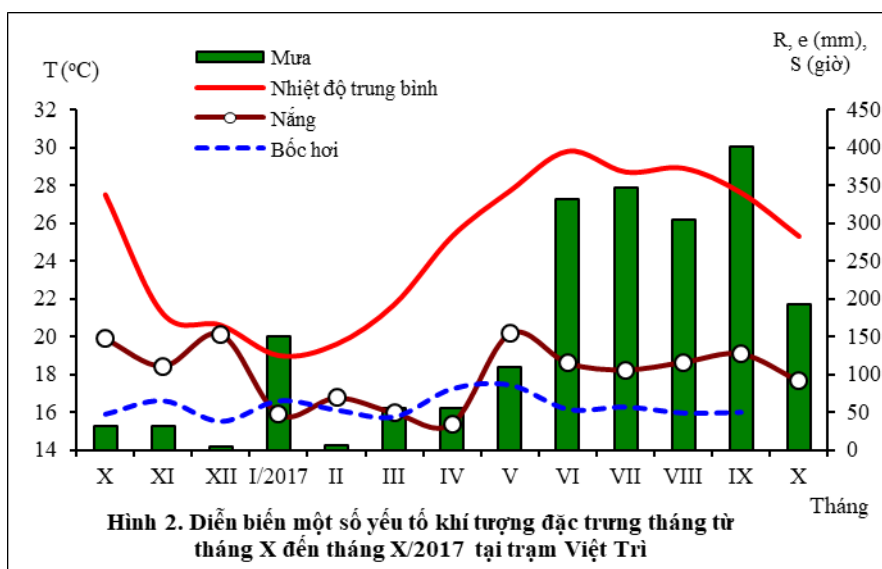
- Nền nhiệt độ không khí tháng X/2017 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,2⁰C đến 1,3⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí

trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 16,0⁰C đến 25,9⁰C
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 14,6⁰C đến 23,5⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 8,3⁰C xảy ra vào ngày 31/X tại SaPa.
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 18,4⁰C đến 29,7⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 35,2⁰C xảy ra vào ngày 9/X tại Bắc Quang.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 102mm đến 322mm; cao nhất là 381mm tại SaPa, tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-174mm



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2017 tại trạm Việt Trì

đến 172mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng X đến tháng X/2017 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 21mm đến 115mm, cao nhất là 125mm xảy ra vào ngày 11/X tại Nghĩa Lộ. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 11 - 28 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 19 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 14 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2017 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 51 giờ đến 134 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-84 giờ đến -16 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng X/2017 phổ biến từ 80 đến 96%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN 2% đến 7%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 35%, xảy ra vào ngày 30/X tại Than Uyên.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 14mm đến 95mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (--367mm đến -25mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 9mm.

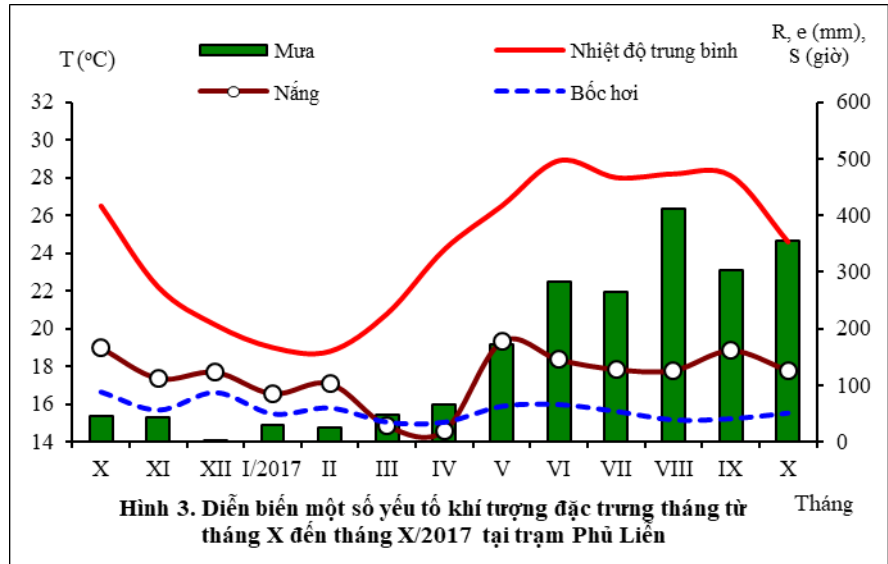
2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 9 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,2 đến 1,2⁰C); có giá trị dao động từ 21,4⁰C đến 25,4⁰C (hình 10).



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2017 tại trạm Phù Liên

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 25,8⁰C đến 29,8⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 35,7⁰C xảy ra vào các ngày 4/X tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 18,9⁰C đến 23,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 10,0⁰C xảy ra vào ngày 31/X tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng X/2017 dao động phổ biến từ 99mm đến 384mm, cao nhất là 538mm tại Cửa Ông, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (13mm đến 197mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 93 đến 189mm, cao nhất là 293mm xảy ra vào ngày 7/X tại Cửa Ông.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 - 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 13 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng X/2017 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-81 giờ đến -8 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 108 giờ đến 185 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng X/2017 ở các nơi dao động phổ biến từ 77 đến 87%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -3% đến 7%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33% xảy ra vào ngày 30/X tại Bắc Giang.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 46mm đến 103mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-303mm đến -46mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 8mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất 1 ngày tại Bảo Lạc với có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 12 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 24,8⁰C đến 26,0⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,2⁰C đến 1,4⁰C) (hình 10);

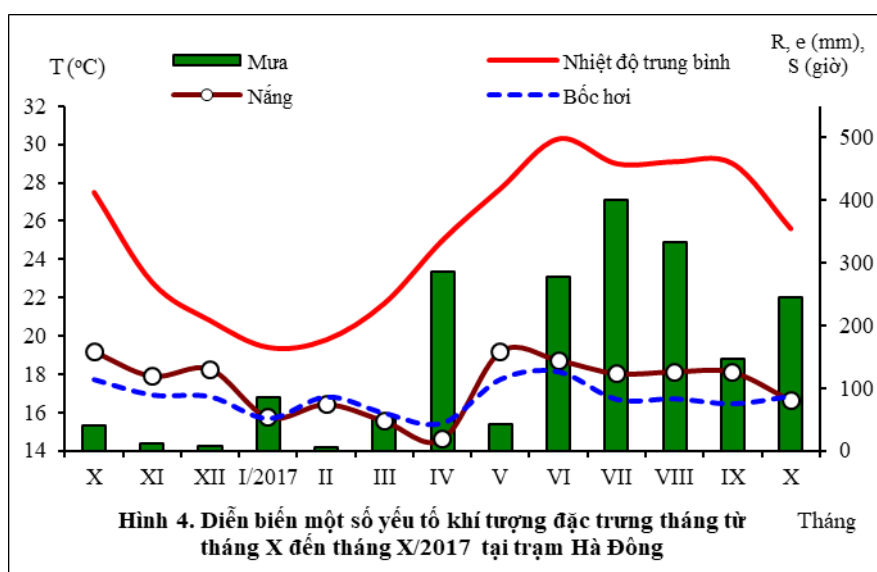
- Nhiệt độ không khí cao nhất

trung bình tháng từ 28,2⁰C đến 29,3⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,0⁰C xảy ra vào ngày 2/X tại Sơn Tây;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 22,5⁰C đến 23,7⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 17,50⁰C xảy ra vào ngày 31/X tại Nho Quan. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 50mm đến 434mm, (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2017 tại trạm Hà Đông

211mm đến 502mm, cao nhất là 668mm xảy ra ở Phủ Lý.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 48 đến 197mm, cao nhất là 220mm xảy ra ngày 10/X tại Phủ Lý; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 đến 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 13 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 13 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2017 ở các nơi trong vùng dao động từ 80 giờ đến 138 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -89 giờ đến -49 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 76% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-6% đến 3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37% xảy ra vào ngày 30/X tại Hà Đông.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 52mm đến 94mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -605mm đến -41mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

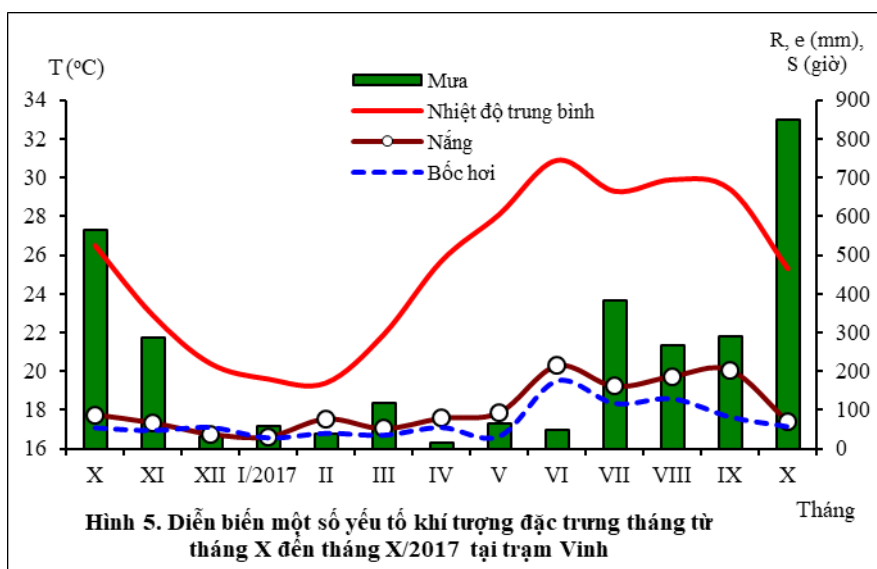
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 5 đến 10 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,4^{\circ}\text{C}$ đến $1,2^{\circ}\text{C}$ (hình 10) và có giá trị từ $24,3^{\circ}\text{C}$ đến $25,3^{\circ}\text{C}$.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $26,9^{\circ}\text{C}$ đến $28,8^{\circ}\text{C}$,



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2017 tại trạm Vinh

giá trị nhiệt độ cao nhất là $34,4^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 1/X tại Cửa Rào.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $21,9^{\circ}\text{C}$ đến $23,6^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $15,9^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 31/X tại Hội Xuân. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng X/2017, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 211mm đến 850mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (20mm đến 466mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 85 đến 236mm, cao nhất là 261mm xảy ra vào ngày 10/X tại Vinh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 12 - 26 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 14 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 10 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 48 đến 100 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -81 giờ đến -46 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 84% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-3% đến 4%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào ngày 30/X tại Hội Xuân.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 32mm đến 84mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-793mm đến -230mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 11 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng X/2017 từ $22,1^{\circ}\text{C}$ đến $26,9^{\circ}\text{C}$, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,2^{\circ}\text{C}$ đến $1,9^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $25,5^{\circ}\text{C}$ đến $31,0^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $33,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 10/X tại Nam Đông.

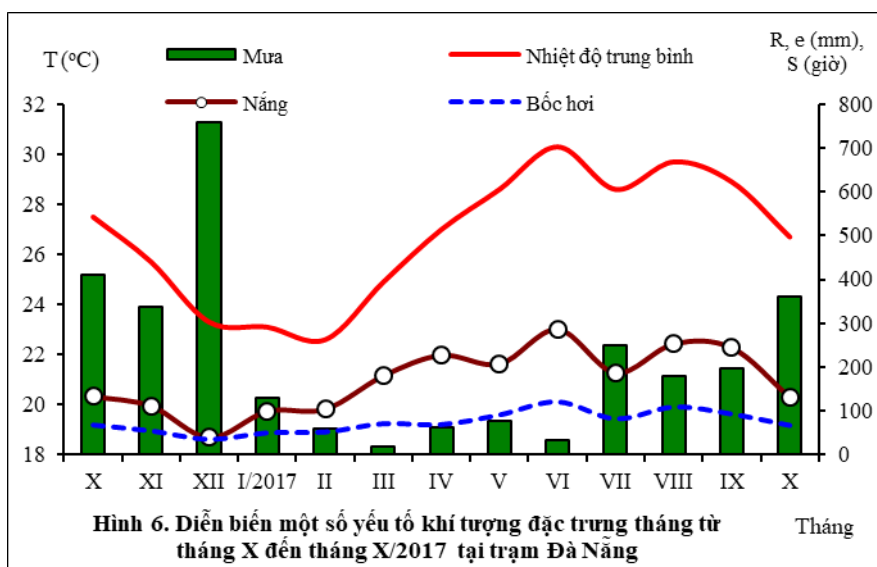
- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,4⁰C đến 24,4⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 16,4⁰C xảy ra vào ngày 29/X tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng X/2017 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 362mm đến 664mm, thấp nhất là 118mm tại Khe Sanh. Ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-410mm đến -100mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 28 đến 192mm, cao nhất là 284mm xảy ra vào ngày 31/X tại Trà My.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 20 đến 28 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 16 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng X đến tháng X/2017 trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2017 tại trạm Đà Nẵng

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 43 giờ đến 162 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-72 giờ đến -10 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 83% đến 94%, phổ biến ở mức xấp xỉ dao động xung quanh giá trị TBNN từ -1% đến 4%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 56% xảy ra vào ngày 29/X tại Đà Nẵng.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 25mm đến 74mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 1 đến 6mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-531mm đến -73mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 2 đến 12 ngày.

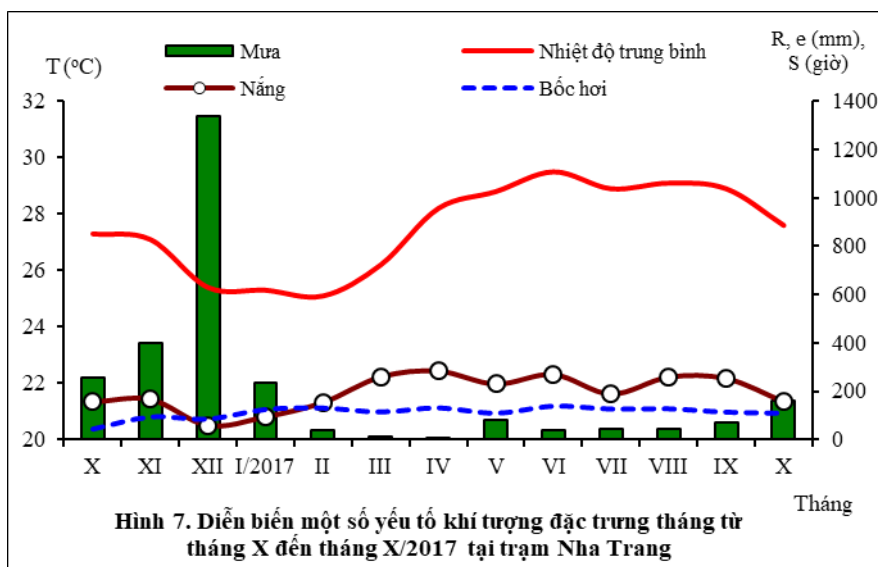
7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng X/2017 từ $26,3^{\circ}\text{C}$ đến $27,7^{\circ}\text{C}$, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,4$ đến $1,2^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $30,1^{\circ}\text{C}$ đến $31,4^{\circ}\text{C}$ giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $34,9^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 16/X tại Tuy Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $24,1^{\circ}\text{C}$ đến $25,8^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $22,4^{\circ}\text{C}$, xảy ra vào ngày 28/X tại Phú Quý. Biên trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng X đến tháng X/2017 được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2017 tại trạm Nha Trang

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng X/2017, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 118mm đến 400mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -163mm đến 165mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng X đến tháng X/2017 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 39mm đến 128mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 11 đến 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 2 đến 10 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2017 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 140 giờ đến 167 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-54 giờ đến -10 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 78% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 2% (hình 13); giá trị độ

ẩm không khí thấp nhất là 50% xảy ra vào ngày 16/X tại Tuy Hòa.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 51mm đến 110mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-312mm đến -50mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

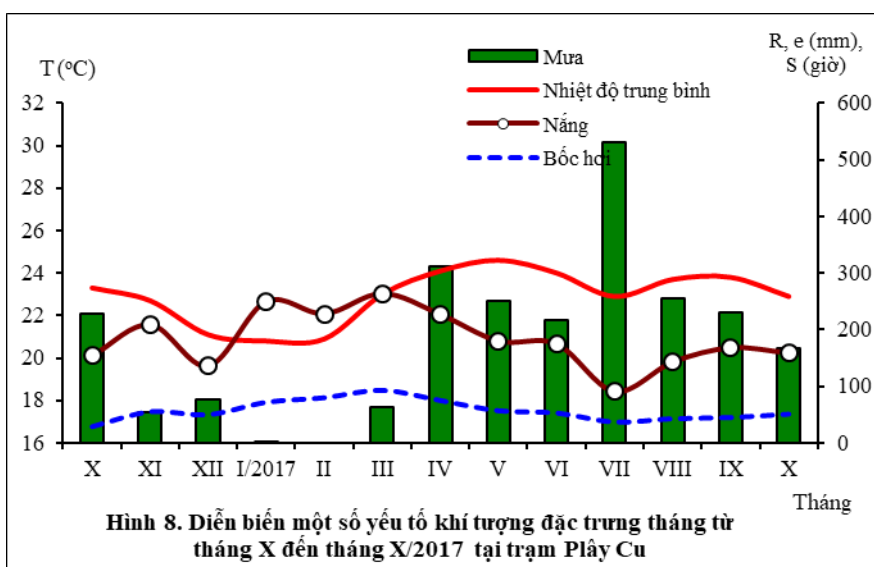
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 12 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng X/2017 từ 18,8⁰C đến 26,9⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,4C đến 1,5⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,9⁰C đến 31,2⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 33,8⁰C xảy ra vào ngày 7/X tại Ayunpa.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2017 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,5⁰C đến 24,3⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 13,7⁰C xảy ra vào ngày 30/X tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng X đến tháng X/2017 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng X/2017 dao động từ 101mm đến 318mm, cao nhất là 405mm tại Bảo Lộc. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -24mm đến 118mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 25mm đến 65mm, cao nhất là 110mm xảy ra vào ngày 15/X tại Ayunpa. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 13 đến 24 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 12 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 10 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng X đến tháng X/2017 tại trạm Plây Cu được thể hiện

trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2017 phổ biến từ 108 giờ đến 185 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-57 giờ đến -20 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -3% đến 2% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 79% đến 89%; độ ẩm không khí thấp nhất là 45% xảy ra vào ngày 28/X tại Đắc Tô.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 37mm đến 82mm, cao nhất là 89mm tại Kon Tum. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-366mm đến -35mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 3 đến 19 ngày.

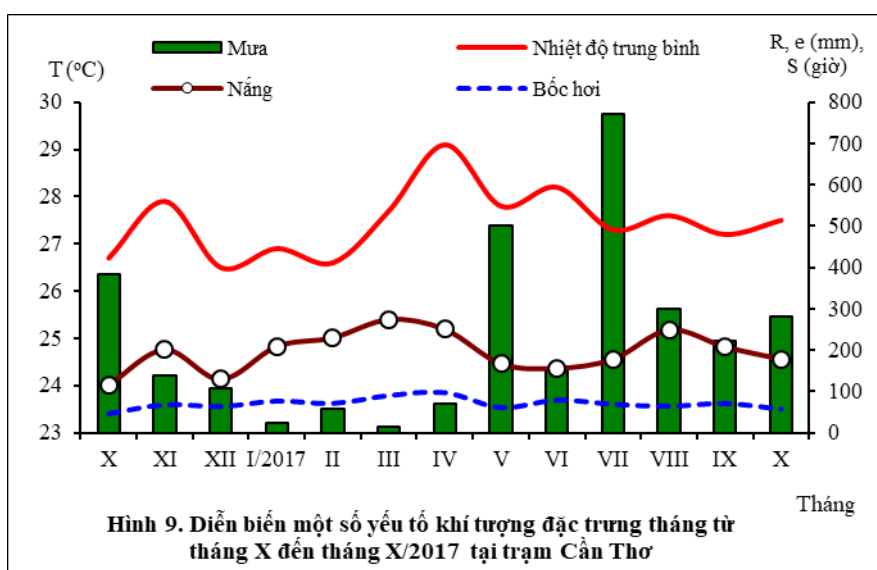
9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng X/2017 từ 25,8⁰C đến 28,3⁰C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,2⁰C đến 1,3⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,1⁰C đến 32,8⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,7⁰C xảy ra vào ngày 12/X tại Đồng Phú.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,2⁰C đến 25,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,0⁰C xảy ra vào ngày 30/X tại Xuân Lộc. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng X đến tháng X/2017 tại trạm Cần Thơ.



9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng X/2017 dao động phổ biến từ 202mm đến 575mm. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-104mm đến 308mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 40mm đến 109mm, cao nhất là 131mm xảy ra vào ngày 2/X tại Mộc Hóa.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 19 đến 26 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 10 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 19 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2017 phổ biến từ 108 giờ đến 196 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-89 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 79% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ - 5% đến 3% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 41% xảy ra vào ngày 30/X tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 11mm đến 85mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm; lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-490mm đến -132mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 7 đến 20 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG X/2017

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng không thực sự thuận lợi do nhiệt độ cao; nắng thấp hơn TBNN; nhiều khu vực lượng mưa cao hơn rất nhiều so với TBNN gây ảnh hưởng đến thu hoạch lúa vụ hè thu và sản xuất lúa vụ mùa.

Tháng X/2011, ngành nông nghiệp đang phải tập trung đối phó, khắc phục hậu quả mưa bão, lũ lụt ở các tỉnh miền Bắc, miền Trung, và đặc biệt là lũ lụt nghiêm trọng ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong tháng, hoạt động trồng trọt ở các tỉnh phía Bắc tập trung vào việc thu hoạch lúa mùa và gieo trồng các loại cây màu vụ đông; Tại các tỉnh phía Nam tập trung vào việc chăm sóc lúa mùa và thu hoạch lúa thu đông. Tính đến trung tuần tháng 10, các tỉnh phía Bắc đã thu hoạch ước đạt 870,8 ngàn ha, chiếm 76,7% diện tích gieo cấy và bằng 91,9% cùng kỳ năm trước, năng suất lúa mùa

ước trên diện tích thu hoạch đạt 49,9 tạ/ha, giảm 0,4 tạ/ha so với cùng kỳ. Các tỉnh miền Nam đang tiếp tục gieo cấy, tính đến trung tuần tháng 10 diện tích gieo cấy đạt 654,6 ngàn ha, tiến độ gieo cấy bằng 99% so với cùng kỳ năm trước

Trong tháng X, mưa lũ đã gây thiệt hại rất lớn tới sản xuất nông nghiệp (163,7 nghìn ha lúa và 101,4 nghìn ha hoa màu bị ngập, hư hỏng). Cụ thể:

Do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, từ ngày 9 đến 11-10, các tỉnh phía Bắc có lượng mưa rất to. Tổng lượng mưa phổ biến từ 200-300 mm, một số nơi như ở Thanh Hóa lượng mưa lớn nhất đo được tại Bát Mọt (Thường Xuân) là 599 mm, Lý Nhân (Yên Định) là 490 mm, Cửa Đạt (Thường Xuân) là 474,5mm... đã làm hư hại 47.250 ha hoa màu, thủy sản.

- Tại Hòa Bình: Huyện Đà Bắc: hàng trăm héc-ta lúa và hoa màu đến kỳ thu hoạch bị mất trắng. Huyện Kỳ Sơn, mưa lũ còn làm thiệt hại 66ha lúa và hơn 30ha hoa màu các loại, cuốn trôi 300 con gia súc, gia cầm của các hộ dân, 11 lồng cá bị cuốn trôi. Huyện Lạc Sơn, hơn 8.000ha lúa và hoa màu bị ngập úng.

- Tại Phú Thọ: hơn 300ha hoa màu bị ngập úng

- Tại Sơn La, Yên Bái: mưa lũ đã gây lũ quét, lũ ống làm thiệt hại nhiều diện tích lúa và hoa màu.

- Tại Thanh Hóa: Có 423 ha lúa bị ngập; 2,5 tấn lúa đã thu hoạch bị cuốn trôi; 5.541 ha ngô bị ngập, đổ, gãy; 573 ha mía bị thiệt hại; 14.537 ha rau màu bị ngập, hư hỏng; 142 ha cây ăn quả bị ngập; 1,5 ha cây công nghiệp bị đổ, gãy; hơn 4.789 ha nuôi trồng thủy sản bị ngập; 1.128 con gia súc, gia cầm bị cuốn trôi

- Tại Nghệ An: 347,87 ha lúa bị ngập; gần 9.000 ha ngô và rau màu bị ngập; diện tích cây trồng hàng năm bị ngập là 1.342,3 ha; diện tích cây trồng lâu năm bị thiệt hại là 207,5 ha; diện tích cây ăn quả bị thiệt hại 296,85 ha; lương thực bị trôi, ẩm ướt và hư hỏng 11 tấn; diện tích đất nông nghiệp bị sạt lở là 15 ha. Có 8 con trâu bị cuốn trôi con; 15 con dê chết; 617 con lợn bị cuốn trôi; 16.602 con gia cầm bị chết và cuốn trôi

- Tại Hà Tĩnh: trên 500 ha hoa màu bị hư hỏng hoàn toàn, hơn 2.000 con gia cầm, gia súc bị nước cuốn trôi...

- Tại Quảng Bình: TP Đồng Hới thiệt hại nuôi trồng thủy sản 431,44ha; rau màu bị ngập hỏng 31,4ha; trên 24 trang trại bị ảnh hưởng nặng. Huyện Bố Trạch thiệt hại 300ha lúa gieo cấy; 170ha rau màu; 02 ao nuôi trồng thủy sản tại xã Nhân Trạch bị vỡ. Huyện Lệ Thủy rau màu thiệt hại trên 500ha; cây trồng hàng năm bị thiệt hại 600ha; cây trồng lâu năm bị thiệt hại 5ha; lương thực bị hư hỏng 2000 tấn; 30.000 con gia cầm chết; diện tích ao hồ bị thiệt hại 300ha.

Huyện Lệ Thủy số hoa màu thiệt hại trên 70% có 500ha, cây trồng hàng năm bị thiệt hại 600ha, cây lâu năm bị thiệt hại 5ha, lương thực bị hư hỏng 2000 tấn, gia súc bị chết 2 con, gia cầm chết 30.000 con, diện tích ao hồ bị thiệt hại 300ha. Huyện Quảng Ninh gia cầm bị chết và trôi 43.000 con, lợn bị trôi và chết 103 con, trâu bò chết 2 con do bị sét đánh, thiệt hại 297 ha nuôi trồng thủy sản, thóc ước 239 tấn...

- Tại Quảng Trị: 244 ha hoa màu, 31 ha cao su, 10 ha hồ tiêu, 383 ha sắn và chuối, 60 ha cây lâm nghiệp bị hư hỏng

Đợt mưa lũ vừa qua không chỉ gây ngập úng phần lớn diện tích lúa đang thu hoạch, ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất, chất lượng sản phẩm mà còn tàn phá cây vụ đông đã trồng và làm chậm tiến độ sản xuất vụ này của các địa phương phía Bắc. Tổng thiệt hại sơ bộ của đợt mưa bão trong tháng 10 vừa qua ước tính khoảng 12.383 tỷ đồng.

1. Đối với cây lúa

+ **Lúa mùa:** Tính đến cuối tháng 10, diện tích thu hoạch lúa mùa tại các tỉnh phía Bắc ước đạt 870,8 ngàn ha, chiếm 76,7% diện tích gieo cấy và bằng 91,9% cùng kỳ năm trước, trong đó: Đồng bằng sông Hồng đã thu hoạch được 418,4 ngàn ha, chiếm 77,1% diện tích gieo cấy và 84,9% cùng kỳ. Một số địa phương đã cơ bản hoàn tất công tác thu hoạch lúa mùa là Hà Nội, Vĩnh Phúc, Lai Châu, Hòa Bình. Các địa phương còn lại đang phấn đấu thu hoạch diện tích lúa mùa còn lại để chuẩn bị đất gieo trồng cây vụ Đông. Năng suất lúa mùa trên những diện tích đã thu hoạch ước đạt 49,9 tạ/ha, giảm 0,4 tạ/ha so với cùng kỳ. Nguyên nhân diện tích thu hoạch hiện thấp hơn năm trước do nhuận 2 tháng 6 nên một số địa phương cấy muộn hơn và do ảnh hưởng thời tiết mưa nhiều và kéo dài. Tại Quảng Ninh và Hải Phòng diện tích thu hoạch hiện chỉ đạt lần lượt 30% và 23% diện tích xuống giống. Với thời tiết khắc nghiệt, mưa bão liên tiếp trong quá trình gieo cấy, sinh trưởng và thu hoạch lúa vụ mùa nên năng suất toàn vụ năm nay dự đoán sẽ giảm.

Các tỉnh miền Nam đang tiếp tục gieo cấy, tính đến trung tuần tháng 10 diện tích gieo cấy đạt 654,6 ngàn ha, tiến độ gieo cấy bằng 99% so với cùng kỳ năm trước.

+ **Lúa hè thu:** Diện tích gieo cấy lúa hè thu cả nước ước đạt 2.1 triệu ha, trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Nam, đạt 1.93 triệu ha, tương đương cùng kỳ năm trước, riêng vùng ĐBSCL đạt 1,65 triệu ha, bằng 98,6% cùng kỳ. Các địa phương đã cơ bản kết thúc thu hoạch lúa hè thu, năng suất cả nước ước đạt 54,5 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha và bằng 101,1% so cùng kỳ; sản lượng đạt gần 11,5

triệu tấn, tăng 127,5 nghìn tấn. Ngoại trừ năng suất lúa Hè thu của các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ giảm do ảnh hưởng của mưa bão và sâu bệnh, thì năng suất và sản lượng tăng đều ở các vùng, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long ước đạt 54,6 tạ/ha; sản lượng ước đạt khoảng 9,02 triệu tấn, tăng 20,1 nghìn tấn.

+ **Lúa thu đông:** Tính đến cuối tháng X, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống đạt 661,5 ngàn ha lúa thu đông, giảm 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Vụ thu đông năm nay, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, sâu bệnh có thể gây hại trên diện rộng, nhiều tỉnh đã chủ động xả lũ vào ruộng để tăng cường lượng phù sa, nhằm làm cho đất màu mỡ giảm dịch bệnh cho vụ sau. Vì vậy, diện tích gieo trồng vụ lúa Thu Đông 2017 có khả năng giảm so với năm 2016. Hiện lúa đang phát triển khá tốt, sâu bệnh gây hại không đáng kể. Đến thời điểm báo cáo diện tích lúa đã thu hoạch chiếm khoảng 49% diện tích xuống giống, năng suất toàn vụ ước đạt 52 tạ/ha, tăng 1,6 tạ/ha so cùng kỳ năm trước.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng X/2017

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn nảy chồi	Kém	TB	
2		Điện Biên	Chuyển vụ			
3		Văn Chấn	Chuyển vụ			
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè chín hoàn toàn			
5	Đông Bắc	Uông Bí	Thu hoạch lúa mùa			
6		Lạng Sơn	Lúa mùa trở bông	TB	3cm	
7		Bắc Giang	Thu hoạch lúa mùa			
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn búp hái	TB	TB	
9		Ba Vì	Chè lớn ngừng sinh trưởng			
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Thu hoạch lúa mùa			
11		Hoài Đức	Lúa mùa chắc xanh	Kém		
			Cam ra lá mới	TB		
			Ngô phun râu	Khá		
12		Hải Dương	- Thu hoạch lúa mùa - Khoai lang ra nhánh	Khá	TB	
13		Hưng Yên				
14		Nam Định	Chuyển vụ			
15		Ninh Bình	Lúa mùa chín hoàn toàn	Khá	Quá ẩm	
16		Thái Bình	Chuyển vụ			

17		Yên Định	Thu hoạch lạc			
18	Bắc	Thanh Hoá	Chuyển vụ			
19	Trung Bộ	Quỳnh Lưu	Chuyển vụ			
20		Đô Lương	Chuyển vụ			
21	Nam	Tuy Hoà	Chuyển vụ			
22	Trung Bộ	An Nhơn	Chuyển vụ			
23	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê quả chín	Tốt	Ấm	
24	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê quả chín	TB	Quá ấm	
25		Trà Nóc	Chuyển vụ			
26		Mỹ Tho	Lúa mùa trở bông	TB	3 cm	
27		Bạc Liêu	Lúa mùa để nhánh	TB	3 cm	

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Tiến độ gieo trồng một số cây vụ đông năm nay chậm hơn cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của mưa bão liên tiếp những ngày cuối tháng IX đầu tháng X, đất ướt không gieo trồng được. Bên cạnh đó, nhân lực phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ngày càng giảm do giá trị ngày công từ trồng cây vụ đông không cao so với các ngành sản xuất phi nông nghiệp. Giá cả vật tư đầu vào cho sản xuất như: giống, phân bón, thuốc BVTV, công làm đất,.. đều tăng cao, ảnh hưởng đến việc đầu tư thâm canh và mở rộng diện tích cây vụ đông. Tính đến cuối tháng, diện tích gieo trồng ngô vụ đông ở các tỉnh phía Bắc đạt 79,4 nghìn ha, bằng 80,7%; khoai lang đạt 11,1 nghìn ha, bằng 66,8%; lạc đạt 5,1 nghìn ha, bằng 85%; đậu tương đạt 5,9 nghìn ha, bằng 33,7%; rau đậu đạt 65,2 nghìn ha, bằng 93,7% cùng kỳ.

Ở đồng bằng Bắc Bộ: Hai đợt ngô đều đang phun râu, trạng thái sinh trưởng khá.

Ở Bắc Trung Bộ Tại Yên Định, lạc hình thành củ và đậu tương ra quả, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Chè nẩy chồi ở Phú Hộ, sinh trưởng trung bình, đất ẩm Chè lớn lá thật thứ nhất ở Ba Vì, sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình (bảng 1).

Cà phê Eakmat trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt trên nền đất ẩm trung bình. Cà phê quả chín ở Xuân Lộc, sinh trưởng trung bình trong điều kiện đất ẩm trung bình.

3. Tình hình sâu bệnh

Theo Cục Bảo vệ thực vật, trong tháng X diện tích lúa bị nhiễm bệnh tiếp tục giảm mạnh so với kỳ trước như (lùn sọc đen, đạo ôn cổ bông, bạc lá, khô vằn). Phần lớn các loại dịch bệnh này tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc và 1

số tỉnh ở phía Nam, riêng một số bệnh như: Vàng lùn, lùn xoắn lá, sâu cuốn lá nhỏ diện tích lúa nhiễm bệnh vẫn gia tăng so với tháng trước.

- Rầy hại lúa: Diện tích nhiễm 5.878 ha, nặng 982 ha, phòng trừ 1.412 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc (3.854 ha, nặng 982 ha).

- Bệnh lùn sọc đen: Tổng diện tích nhiễm là 7.548,4 ha, nặng 2.734,4 ha, mất trắng 2.732,5 ha (Nghệ An, Hải Phòng, Hải Dương, Ninh Bình, Hòa Bình, Bắc Kạn, Quảng Ninh).

- Bệnh đạo ôn cổ bông: Diện tích nhiễm 532 ha, nhiễm nặng 04 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- Bệnh bạc lá: Diện tích nhiễm 13.588 ha, nhiễm nặng 2.182 ha, phòng trừ 2.953 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc.

- Bệnh khô vằn: Diện tích nhiễm 28.349 ha, nhiễm nặng 4.259 ha, phòng trừ 33.211 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc.

- Chuột: Diện tích hại 4.188 ha, nặng 1.111 ha, mất trắng 169 ha (Phía Bắc). Phân bố hầu hết các tỉnh.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Diện tích nhiễm 2.480 ha, nặng 20 ha, phòng trừ 2.149 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- Bệnh VL, LXL: Diện tích nhiễm 996,3 ha, nặng 221,7 ha, mất trắng 61,24 ha. Phân bố tại Đồng Tháp (260 ha, nặng 130 ha), Long An (43,7 ha, nặng 03 ha, mất trắng 01 ha), An Giang (526 ha).

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X, X, XI/2017

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ mùa XI-I năm 2017/2018 có khả năng cao hơn từ 0 đến trên 1°C so với TBNN trên hầu hết diện tích cả nước, với xác suất trên 77%.

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa mùa XI-I năm 2017/2018 có khả năng thấp hơn TBNN ở vùng núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ; cao hơn ở Đồng Bằng Bắc Bộ, Nam Trung Bộ và một phần Bắc Tây Nguyên. Chuẩn sai của lượng mưa mùa XI-I năm 2017/2018 chủ yếu dao động từ -200 đến 200mm.

3.3. Hiện tượng cực đoan

Không khí lạnh: Số đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN. Các khu vực phía Bắc cần đề phòng khả năng xảy ra rét đậm rét hại, đặc biệt trong tháng I năm 2018.

XTNĐ và mưa lớn: Trong các tháng cuối năm 2017, các khu vực Trung – Nam Trung Bộ cần đề phòng khả năng chịu tác động của khoảng từ 1 đến 2 XTNĐ kèm theo mưa lớn.

Khô hạn: Các khu vực phía Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ cần lưu ý các giải pháp đối với điều kiện khô hạn trong các tháng tiếp theo.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng X và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng X/2017 và dự báo khí hậu 3 tháng X, XI và XII/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tập trung thu hoạch lúa mùa trung vụ;
- Tập trung làm đất gieo trồng các cây vụ đông trên những diện tích mới và chăm sóc các cây vụ đông: ngô, đậu tương, khoai tây, khoai lang đã được trồng trước đó;
- Tận dụng thời tiết cho phép trồng thêm diện tích cây vụ đông ưa ấm, chuẩn bị đầy đủ giống cho các cây vụ đông ưa lạnh;
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh;
- Tập trung khắc phục hậu quả do mưa lũ, úng ngập gây ra, đồng thời sẵn sàng các biện pháp ứng phó với lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

2. Miền Trung:

Các tỉnh Miền Trung bị ảnh hưởng của bão số 10, mưa lớn, lũ lụt, úng ngập, tập trung khắc phục hậu quả sau khi nước rút đồng thời triển khai các biện pháp ứng phó với các đợt bão lũ khác có thể xảy ra.

3. Miền Nam:

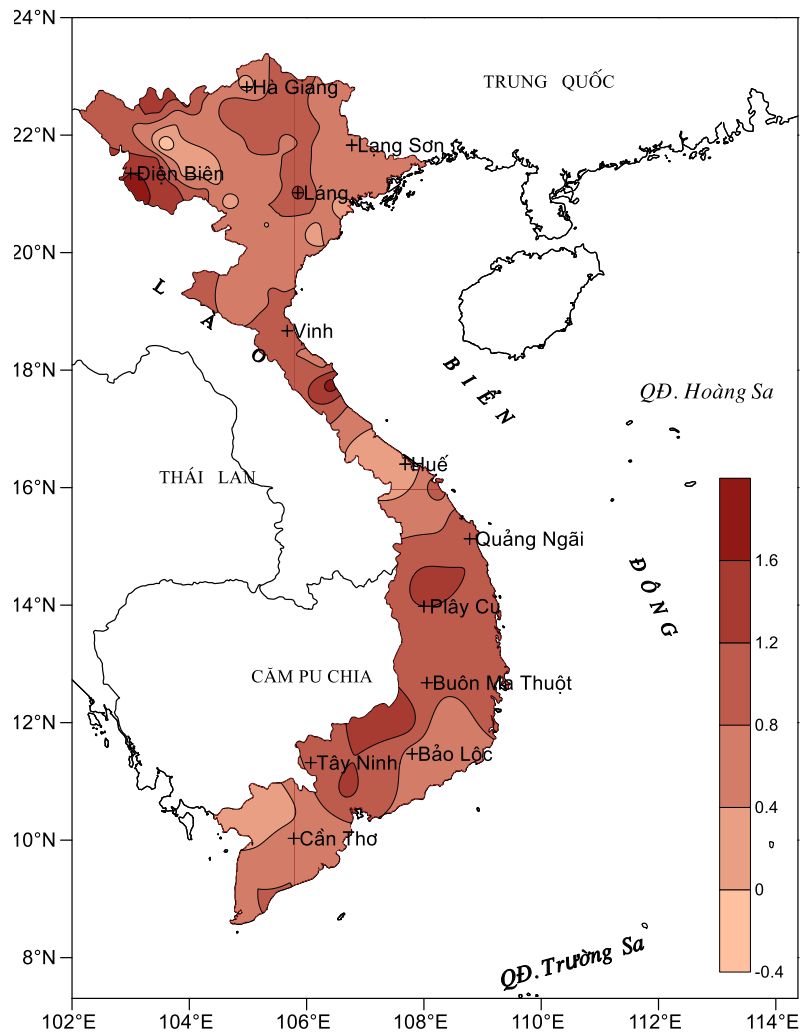
- Tập trung chăm sóc lúa mùa;
- Tăng cường các biện pháp chống úng, chống xập nhập mặn;
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa đặc biệt là sâu cuốn lá nhỏ, bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá ở đồng bằng sông Cửu Long.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

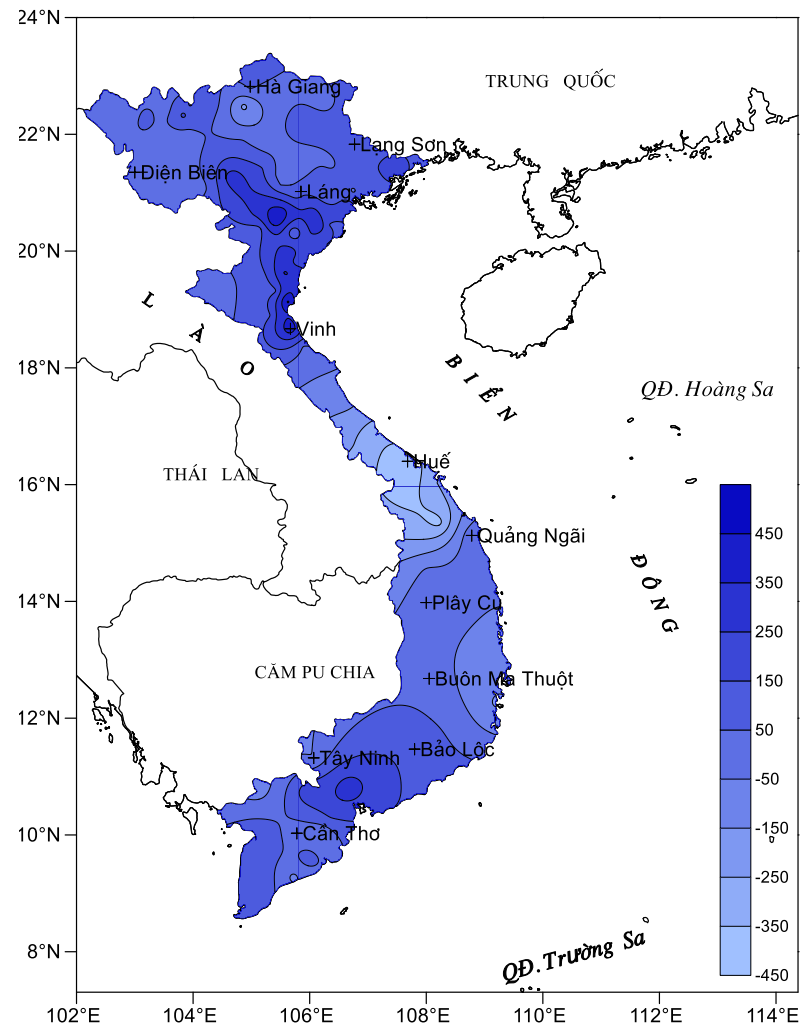
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng XI, XII năm 2017, I năm 2018;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng XI năm 2017 các khu vực trên phạm vi cả nước;

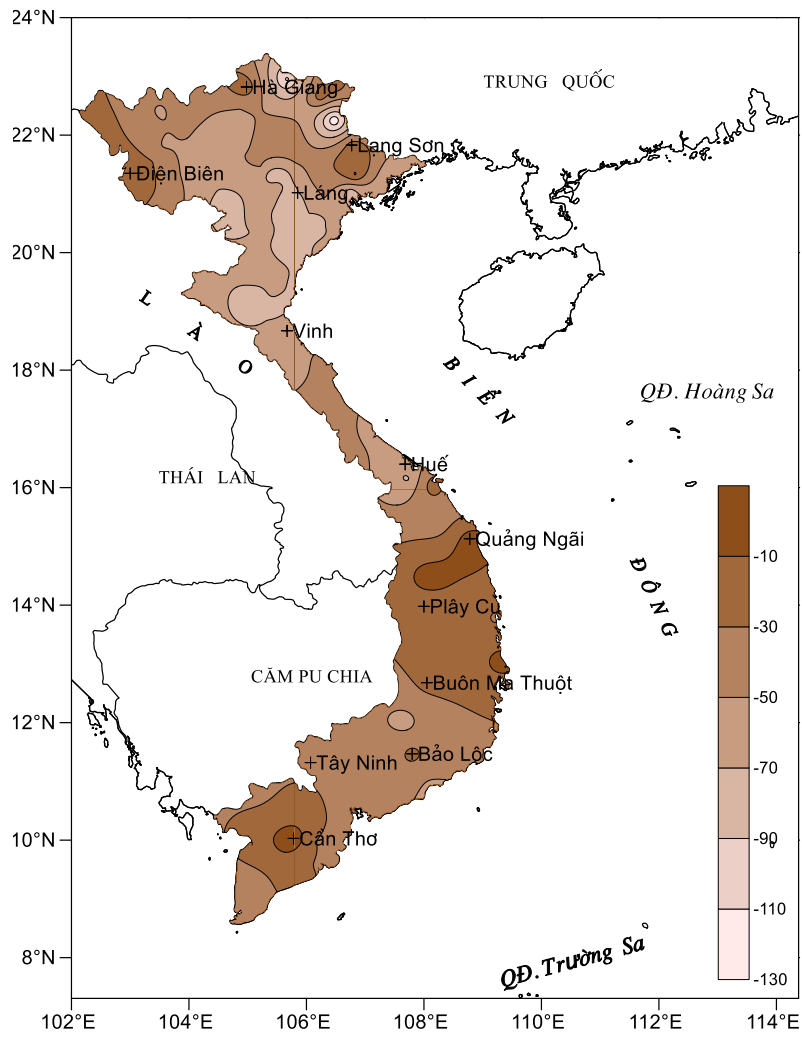
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng X năm 2017 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



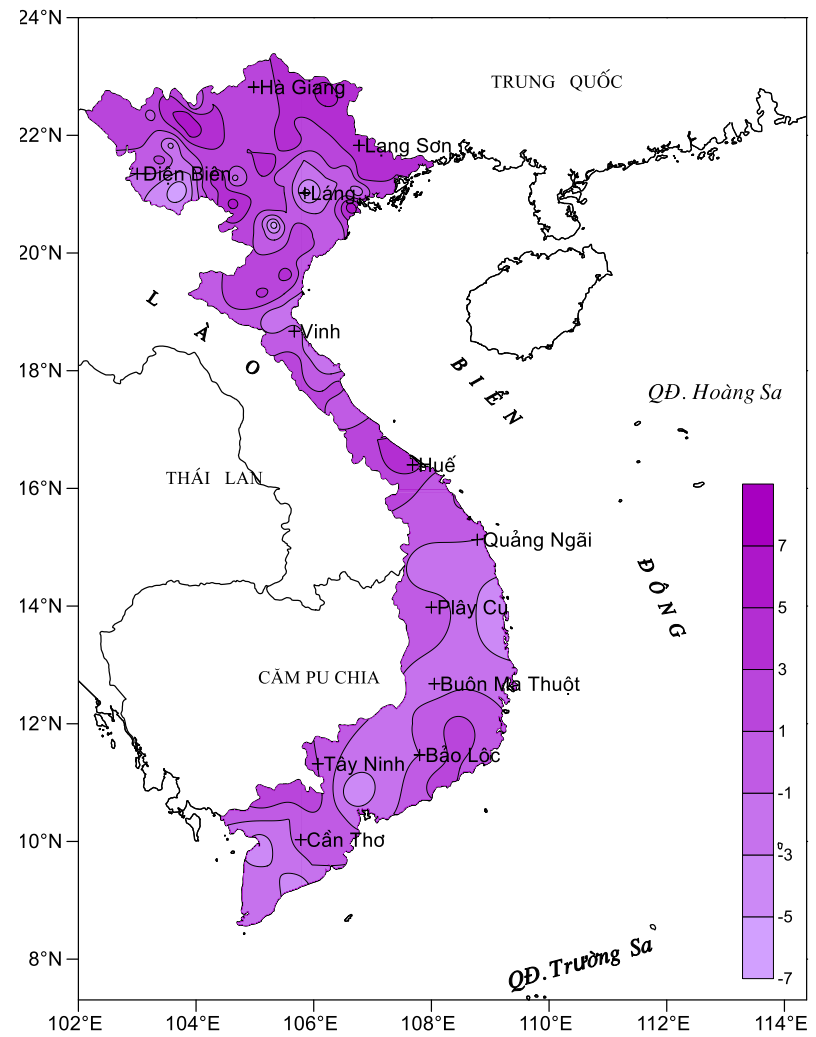
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng X/2017 so với TBNN (°C)



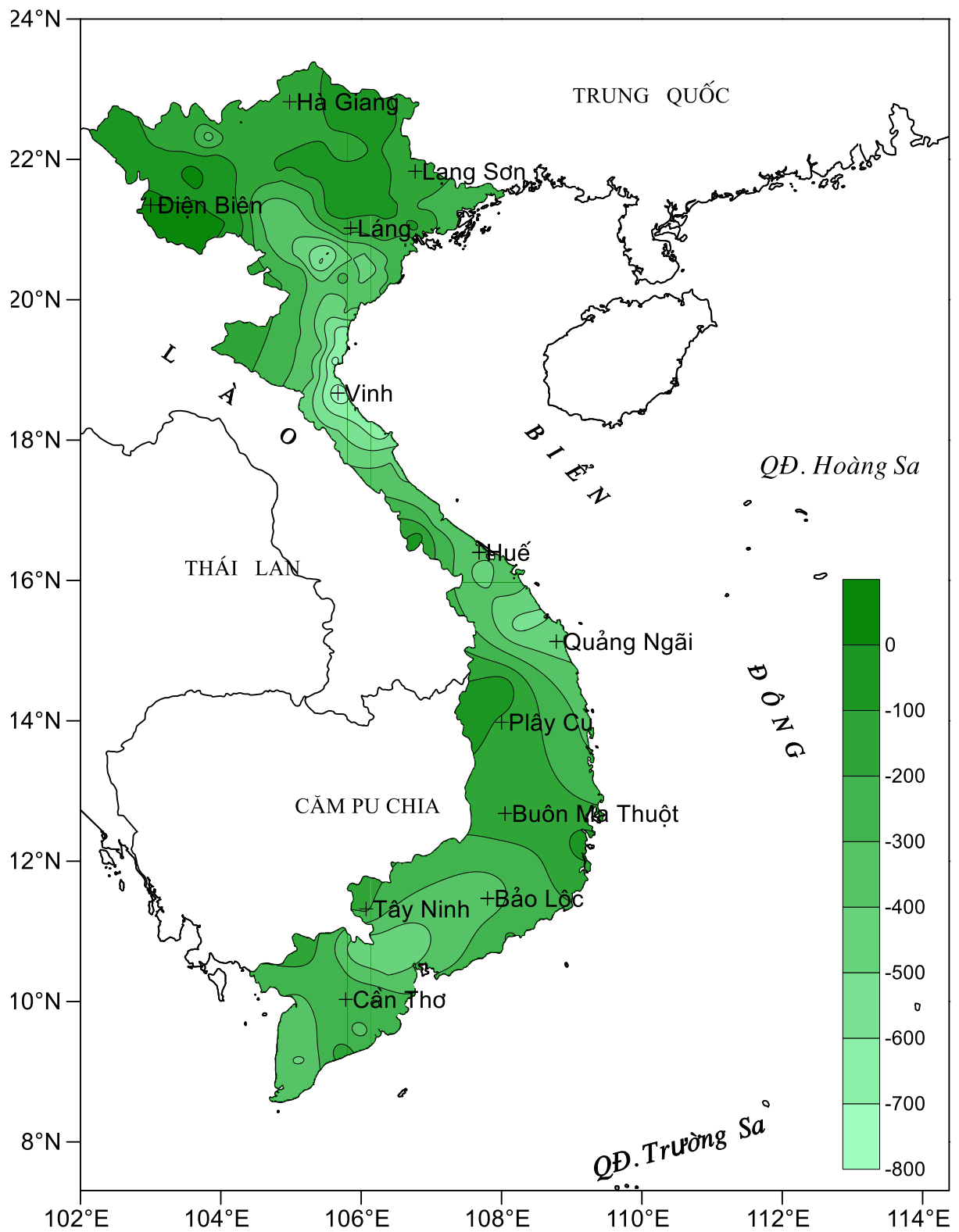
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng X/2017 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng X/2017 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng X/2017 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng X/2017 (mm)